

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DSST  
Ngày: 09/6/2020  
*Tranh chấp dân sự  
về hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

**- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Vân

2/ Ông Hoàng Đình Ngân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Cao Văn N - sinh năm 1979;

Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp Phước T, xã Phước V, huyện Châu T, tỉnh Tây N.  
(vắng mặt)

*Bị đơn:* Anh Lê Phước Đ - sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp Phước L, xã Phước V, huyện Châu T, tỉnh Tây N.

Chỗ ở: Tổ 6, ấp 3, xã Phước V, huyện Châu T, tỉnh Tây N. (có mặt)

*Người có quyền L nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn N - 1964

Địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp Phước T, xã Phước V, huyện Châu T, tỉnh Tây N.  
(vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Cao Văn N trình bày:* Do quen biết chòm xóm với nhau nhiều năm, vào ngày 05/3/2018, anh Đ có vay của anh số tiền 80.000.000 đồng có giấy mượn tiền, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 0,2%/tháng và hứa trong vòng 7 ngày sẽ trả nhưng không trả mà hẹn nhiều lần. Từ ngày vay anh Đ trả được 2.000.000 đồng tiền lãi, nay yêu cầu anh Đ trả số tiền vốn 80.000.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng, đã trả 2.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng. Mẫu giấy cho

mượn tiền do ông N đánh máy cho anh, ông N giữ mẫu giấy đó, ông N và anh Đ tự viết giấy nợ và ký nhận với nhau anh không biết, anh Đ vay tiền của anh giấy nợ anh còn giữ, giữa anh Đ và anh N lập thêm giấy nợ rồi anh Đ đưa tiền cho ông N nhận 80.000.000 đồng thì giữa anh Đ và ông N tính toán với nhau, ông N chịu trách nhiệm về số tiền của anh Đ, còn anh Đ nợ anh chưa trả, anh yêu cầu anh Đ trả cho anh vốn 80.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 90.000.000 đồng.

*Bị đơn anh Lê Phước Đ trình bày:* Anh thừa nhận anh có vay tiền của anh N số tiền 80.000.000 đồng thời gian không nhớ để đáo hạn Ngân hàng. Theo giấy nợ gốc anh N cung cấp anh được xem thì giấy nợ ghi ngày 5/3/2018 là đúng chữ ký và chữ viết của anh. Khoảng tháng 12/2018 ông N đến nhà anh nhận 80.000.000 đồng tiền gốc nói là anh N nhờ lấy, nên anh đưa cho anh N nhận để trả cho anh N, anh chỉ còn nợ tiền lãi chưa tính với anh N. Nay anh N tính lãi suất và trừ 2.000.000 đồng, còn yêu cầu 10.000.000 đồng thì anh đồng ý còn nợ anh N 10.000.000 đồng tiền lãi. Khi anh ký giấy vay tiền thì có ký 02 giấy nợ do anh N đưa, có ông N ký trong giấy nợ người làm chứng, anh đã đưa cho ông N 80.000.000 đồng để trả cho anh N, anh chỉ còn nợ tiền lãi, anh đồng ý trả 10.000.000 đồng tiền lãi, không đồng ý trả vốn.

*Tại lời khai ngày 28/10, ngày 18/11/2019 và ngày 16/01/2020 ông Nguyễn Văn N trình bày:* Ông thừa nhận ông có nhận 80.000.000 đồng của anh Đ đưa cho ông để trả cho anh N, khi ông nhận tiền của anh Đ ông có ký tên nhận tiền giấy nợ anh N đưa và giao giấy cho anh Đ giữ. Sau đó ông đưa tiền ngay cho anh N ngày tháng ông không nhớ, chỉ đưa không ký nhận gì, còn giữa anh Đ và anh N làm giấy như thế nào ông không biết. Ông thừa nhận ông có đánh máy mẫu giấy cho vay tiền cho anh N để anh N làm dịch vụ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự, Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn 80.000.000 đồng, lãi 10.000.000 đồng, tổng cộng 90.000.000 đồng, bị đơn phải chịu án phí theo quy Đ. Anh Đ và ông N có tranh chấp số tiền 80.000.000 đồng được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy Đ của pháp luật.

### **NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Cao Văn N là nguyên đơn vắng mặt có đơn, ông N là người có quyền L nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung: Giữa anh N và ông N cùng anh Đ có giao dịch làm ăn liên quan với nhau về tiền bạc là có thật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh N yêu cầu anh Đ trả số tiền vốn 80.000.000 đồng, lãi 10.000.000 đồng, tổng cộng 90.000.000 đồng. Anh Đ thừa nhận có vay 80.000.000 đồng nhưng đã đưa tiền cho ông N nhận để trả cho anh N số tiền 80.000.000 đồng, nay chỉ đồng ý trả tiền lãi 10.000.000 đồng, không đồng ý trả vốn.

Thấy rằng: Theo giấy cho mượn tiền ngày 5/3/2018, anh Đ mượn của anh N số tiền 80.000.000 đồng, không ghi thời hạn trả tiền và lãi suất. Theo anh N khai khi anh cho anh Đ mượn tiền, hai bên tự thỏa thuận miệng lãi suất 0,2%/tháng, trong vòng 7 ngày trả vốn, anh Đ có trả được 2.000.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa, anh Đ khai hai bên thỏa thuận 3.000 đồng/ngày là 7.200.000đồng/tháng, anh đã trả nhiều lần không nhớ số tiền, ngày tháng trả và không có giấy tờ ký nhận gì. Anh Đ thừa nhận giấy mượn tiền ngày 5/3/2018 do anh N cung cấp bản chính là do anh viết và ký tên, nhưng cho rằng anh đã đưa tiền cho ông N ký nhận 80.000.000 đồng để trả cho anh N, ông N có đưa giấy anh vay của anh N bản chính cho anh giữ, còn giấy nợ anh N cung cấp là anh ký nợ để cho anh N tính tiền lãi, hiện anh chỉ còn nợ tiền lãi là không phù hợp. Vì giấy nợ bản chính anh N cung cấp thể hiện anh N (Bên A) anh Đ bên mượn (Bên B) mượn tiền của anh N số tiền vốn 80.000.000 đồng, có ghi tên bên làm chứng (Bên B) là tên ông N, ông N không ký tên và người cho vay (Bên A) anh N không ký tên, còn giấy nợ anh Đ cung cấp bản phô tô thể hiện anh Đ ký tên mượn tiền của anh N ngày 5/3/2018 số tiền 80.000.000 đồng, có bên làm chứng ông N ký tên, người cho mượn anh N không ký tên, mặt sau của giấy có ông N ký tên người làm chứng, ông N ký nhận lại của anh Đ 80.000.000 đồng vào ngày 7/4/2018, không thể hiện nội dung trả tiền cho anh N mà là sự giao dịch giữa anh Đ và ông N, ngoài số tiền ông N nhận của anh Đ 80.000.000 đồng thì ông N còn ký nhận lại của anh Đ 30.000.000 đồng ngày 3/4/2018 trước ngày ông N nhận 80.000.000 đồng. Do đó, anh Đ còn nợ anh N số tiền vốn 80.000.000 đồng.

Về lãi suất, anh N và anh Đ khai không thống nhất nhau, anh N yêu cầu anh Đ trả 10.000.000 đồng, đã trừ 2.000.000 đồng tiền lãi anh N đã nhận của anh Đ. Anh Đ đồng ý trả lãi suất theo yêu cầu của anh N, lúc thì khai đồng ý trả theo thỏa thuận là không phù hợp mức lãi suất quy Đ, tiền lãi tính từ ngày vay theo pháp luật quy Đ cao hơn số tiền anh N yêu cầu, nhưng anh N chỉ yêu cầu 10.000.000 đồng là có L cho anh Đ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, buộc anh Đ có nghĩa vụ trả cho anh N số tiền 90.000.000 đồng (vốn 80.000.000 đồng, lãi 10.000.000 đồng).

[3]. Ông N thừa nhận có nhận của anh Đ số tiền 80.000.000 đồng và khai đã trả cho anh N, nhưng không được anh N chấp nhận, ông N không có chứng cứ chứng minh đã giao cho anh N. Nên giữa anh Đ và ông N nếu có phát sinh tranh chấp số tiền ông N nhận của anh Đ 80.000.000 đồng, được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu theo quy Đ của pháp luật.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với những tình tiết nêu trên.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy Đ tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy Đ về án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.500.000 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp khi khởi kiện.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy Đ về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản” của anh Cao Văn N đối với anh Lê Phước Đ.

2. Buộc anh Lê Phước Đ có nghĩa vụ trả cho anh Cao Văn N số tiền 90.000.000 đồng (vốn 80.000.000 đồng, lãi 10.000.000 đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy Đ tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Giữa anh Lê Phước Đ và ông Nguyễn Văn N nếu có phát sinh tranh chấp số tiền ông N nhận của anh Đ 80.000.000 đồng, được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu theo quy Đ của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Lê Phước Đ phải chịu 4.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Cao Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Tây N hoàn trả lại cho anh Cao Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.250.000 đồng theo biên lai thu số 0006391 ngày 15/10/2019.

5. Quyền kháng cáo: Anh Đ được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây N trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy Đ của pháp luật.

*Trường hợp, bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

